

THÔNG BÁO

**Về việc quy đổi kết quả học tập các học phần tiếng Anh không chuyên
Đợt 9 năm học 2024 - 2025.**

Căn cứ Thông báo số 2366/TB-ĐHSG ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc tổ chức dạy học các học phần tiếng Anh không chuyên áp dụng từ năm học 2021-2022;

Căn cứ Quy định số 2626/QyĐ-ĐHSG ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc tổ chức dạy học các học phần tiếng Anh không chuyên theo chương trình mới áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2022 trở đi;

Căn cứ Thông báo số 2451/TB-ĐHSG ngày 23 tháng 9 năm 2024 về việc bổ sung chứng chỉ Tiếng Anh quy đổi thành điểm học tập các học phần tiếng Anh không chuyên dành cho các khóa 2021 trở về trước;

Căn cứ Thông báo số 2567/TB-ĐHSG ngày 27 tháng 9 năm 2024 về việc bổ sung chứng chỉ tiếng Anh Pearson Test of English Academic (PTE Academic) để xét quy đổi điểm học tập các học phần tiếng Anh không chuyên;

Nhà trường thông báo đến các khoa/ngành danh sách sinh viên được miễn học, miễn thi và quy đổi thành điểm học tập các học phần tiếng Anh không chuyên, cụ thể như sau:

1. Đối với sinh viên khóa 20, 21

STT	Họ và tên	MSSV	Khoa	Điểm chứng chỉ tiếng Anh	Điểm học tập được quy đổi		
					T.Anh I	T.Anh II	T.Anh III
1	Bùi Mỹ Duyên	3121330011	QTKD	IELTS 4.5	8	8	8
2	Nguyễn Ngọc Hải	3121330003		IELTS 5.5	10	10	10
3	Trần Mi Mi	3121360057		Aptis ESOL General 142	9	9	9
4	Dương Thị Cẩm Nhung	3121330284		Aptis ESOL General 121	8	8	8
5	Lê Nguyễn Tường Vân	3121330474		Aptis ESOL General 146	9	9	9
6	Võ Thanh Kiều	3121320027	TC-KT	TOEIC Nói: 110 Viết: 150 Nghe: 310	9	9	9

STT	Họ và tên	MSSV	Khoa	Điểm chứng chỉ tiếng Anh	Điểm học tập được quy đổi		
					T.Anh I	T.Anh II	T.Anh III
				Đọc: 200			
7	Nguyễn Anh Vũ	3121420496	TC-KT	Aptis ESOL General 123	8	8	8
8	Trần Thụy Ái Nhân	3121410361	CNTT	TOEIC Nói: 110 Viết: 140 Nghe: 345 Đọc: 335	9	9	9
9	Trần Ngọc Liên	3121200012	GDCT	VSTEP 4.5	9	9	9
10	Hồ Anh Thư	3121200023		Aptis ESOL General 102	8	8	8
11	Hoàng Thanh Thảo	3121530100	Giáo dục	Aptis ESOL General 185	10	10	10
12	Bùi Quỳnh Trang	3121530119		Aptis ESOL General 172	10	10	10
13	Phạm Khánh Vân	3121460068		Aptis ESOL General 105	8	8	8
14	Hứa Xuân Vy	3121460071		IELTS 5.5	10	10	10
15	Mai Anh Thi	3121150165	GDTH	VSTEP 6.0	10	10	10
16	Huỳnh Thị Mỹ Uyên	3121150202		VSTEP 5.0	9	9	9
17	Vi Thị Thúy Vân	3121190197	GDMN	VSTEP 4.5	9	9	9
18	Huỳnh Quang Huy	3121350059	VH&DL	VSTEP 4.5	9	9	9
19	Vũ Thị Thu Huyền	3121350063		Aptis ESOL General 113	8	8	8
20	Trương Thị Thanh Ngân	3121570063		Aptis ESOL General 144	9	9	9
21	Nguyễn Như Quỳnh	3121350167		Aptis ESOL General 119	8	8	8

STT	Họ và tên	MSSV	Khoa	Điểm chứng chỉ tiếng Anh	Điểm học tập được quy đổi		
					T.Anh I	T.Anh II	T.Anh III
22	Trần Thị Bảo Trân	3121570104	VH&DL	Aptis ESOL General 133	9	9	9
23	Lê Thị Cẩm Vân	3121350239		Aptis ESOL General 112	8	8	8
24	Đoàn Nguyễn Thùy Duyên	3121170006	KHXH&NT	Aptis ESOL General 142	9	9	9
25	Phan Thị Kim Ngân	3121110026		VSTEP 5.5	10	10	10
26	Trịnh Thanh Hiền	3121430063	Luật	Aptis ESOL General 142	9	9	9
27	Đỗ Trần Minh Ngọc	3121430121		Aptis ESOL General 131	9	9	9
28	Trần Thị Thu Thảo	3121430171		TOEIC Nói: 120 Viết: 150 Nghe: 475 Đọc: 430	9	9	9
29	Đoàn Trọng Kha	3121340024	KT&CN	Aptis ESOL General 138	9	9	9

Danh sách này có 29 sinh viên.

2. Đối với sinh viên khóa 22, 23

STT	Họ và tên	MSSV	Khoa	Điểm chứng chỉ tiếng Anh	Điểm học tập được quy đổi		
					T.Anh 1	T.Anh 2	T.Anh 3
1	Bùi Tường Anh	3122330004	QTKD	VSTEP 6.0	10	10	10
2	Dương Thị Hồng Giang	3122330087		Aptis ESOL B2	10	10	10
3	Giáp Thị Mỹ Hạnh	3122330100		TOEIC Nói: 120 Viết: 140 Nghe: 395	10	10	10

STT	Họ và tên	MSSV	Khoa	Điểm chứng chỉ tiếng Anh	Điểm học tập được quy đổi		
					T.Anh 1	T.Anh 2	T.Anh 3
				Đọc: 305			
4	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	3122330115	QTKD	Aptis ESOL B2	10	10	10
5	Trương Thị Phương Liên	3122330174		Aptis ESOL B1	10	10	10
6	Phan Thị Tuyết Minh	3122330205		Aptis ESOL B2	10	10	10
7	Phạm Thị Thanh Nga	3122330220		TOEIC Nói: 110 Viết: 150 Nghe: 370 Đọc: 330	9	9	9
8	Hồ Thị Thanh Ngân	3122330224		VSTEP 5.0	9	9	9
9	Huỳnh Thục Nhân	3122330256		Aptis ESOL B1	10	10	10
10	Nguyễn Lê Yến Nhi	3122330263		VSTEP 5.5	10	10	10
11	Nguyễn Duy Huyền Ninh	3122330295		Aptis ESOL B1	10	10	10
12	Bùi Ngọc Nam Phương	3122330312		Aptis ESOL B2	10	10	10
13	Nguyễn Minh Sang	3122330340		IELTS 5.5	10	10	10
14	Lê Duy Tài	3122330344		Aptis ESOL B1	10	10	10
15	Nguyễn Huỳnh Thi	3122330368		Aptis ESOL B1	10	10	10
16	Nguyễn Hoàng Anh Thư	3122330391		Aptis ESOL B2	10	10	10
17	Trương Lê Minh Thư	3122330400		Aptis ESOL B2	10	10	10
18	Hồ Khánh Vân	3122550095		Aptis ESOL B1	10	10	10
19	Nguyễn Cao Huy Chương	3123550012		VSTEP 5.5	10	10	10
20	Trần Mai Thảo Nguyên	3123550089		Aptis ESOL B2	10	10	10
21	Trần Thị Huỳnh Như	3123550105		Aptis ESOL B2	10	10	10
22	Phạm Thụy Hồng Anh	3122420026	TC-KT	VSTEP 5.0	9	9	9
23	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	3122420032		TOEIC Nói: 120 Viết: 160	10	10	10

STT	Họ và tên	MSSV	Khoa	Điểm chứng chỉ tiếng Anh	Điểm học tập được quy đổi		
					T.Anh 1	T.Anh 2	T.Anh 3
			TC-KT	Nghe: 405 Đọc: 310			
24	Lê Nguyễn Nhật Hạ	3122420097		IELTS 6.0	10	10	10
25	Trần Thị Xuân Hạnh	3122420100		VSTEP 5.0	9	9	9
26	Phạm Thị Thanh Hiền	3122420121		VSTEP 6.0	10	10	10
27	Nguyễn Hải Hòa	3122420126		VSTEP 5.0	9	9	9
28	Nguyễn Thị Hồng Lai	3122320135		VSTEP 5.5	10	10	10
29	Lý Nguyễn Trúc Linh	3122320146		Aptis ESOL B2	10	10	10
30	Nguyễn Thanh Ngân	3122420227		Aptis ESOL B1	10	10	10
31	Trần Thị Ánh Ngọc	3122420242		Aptis ESOL B1	10	10	10
32	Lưu Quách Tú Ngọc	3122320223		VSTEP 6.0	10	10	10
33	Phan Thị Hồng Nguyệt	3122420248		Aptis ESOL B1	10	10	10
34	Bùi Thị Cẩm Nhung	3122320267		Aptis ESOL B1	10	10	10
35	Võ Thị Huỳnh Như	3122320285		Aptis ESOL B1	10	10	10
36	Huỳnh Thị Kiều Như	3122420276		Aptis ESOL B2	10	10	10
37	Trần Thị Kim Phụng	3122320305		TOEIC Nói: 130 Viết: 170 Nghe: 430 Đọc: 365	10	10	10
38	Trần Mỹ Quân	3122320309		TOEIC Nói: 150 Viết: 160 Nghe: 380 Đọc: 330	10	10	10
39	Đinh Huỳnh Kim Thơ	3122420368		Aptis ESOL B1	10	10	10
40	Trịnh Bảo Tiên	3122320393		Aptis ESOL B2	10	10	10

STT	Họ và tên	MSSV	Khoa	Điểm chứng chỉ tiếng Anh	Điểm học tập được quy đổi		
					T.Anh 1	T.Anh 2	T.Anh 3
41	Nguyễn Trần Phương Tú	3122420453	TC-KT	Aptis ESOL B1	10	10	10
42	Nguyễn Thị Ngọc Trang	3122420412		VSTEP 4.5	9	9	9
43	Nguyễn Thị Thùy Trang	3122320399		Aptis ESOL B2	10	10	10
44	Nguyễn Thị Gia Uyên	3122420472		Aptis ESOL B1	10	10	10
45	Phạm Thanh Vy	3122420488		Aptis ESOL B2	10	10	10
46	Nguyễn Hải Đăng	3123420080		Aptis ESOL B1	10	10	10
47	Ngô Nhật Huy	3123420137		Aptis ESOL B2	10	10	10
48	Trần Hoàng Phú Quý	3122430152	Luật	Aptis ESOL B1	10	10	10
49	Nguyễn Khánh Duy	3122110001	KHXH&NT	VSTEP 4.0	8	8	8
50	Ngô Thị Trà My	3122190040	GDMN	Aptis ESOL B1	10	10	10
51	Nghị Huỳnh Xuân Trang	3122190105		Aptis ESOL B1	10	10	10
52	Lê Hồng Trúc	3122190109		Aptis ESOL B1	10	10	10
53	Lê Thị Thùy Băng	3122200001	GDCT	Aptis ESOL B2	10	10	10

Danh sách này có 53 sinh viên.

Nơi nhận:

- BGH;
- Các khoa có liên quan;
- Lưu: ĐT, VP, NA.(8).

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Nguyễn Thanh Tân